

BÁO CÁO

Công tác cải cách hành chính năm 2024

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Năm 2024, Sở Xây dựng đẩy mạnh chỉ đạo, đôn đốc các phòng thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính thông qua việc ban hành các văn bản sau:

- Kế hoạch cải cách hành chính số 3518/KH-SXD ngày 28/12/2023;
- Kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính số 226/KH-SXD ngày 31/01/2024;

Và các kế hoạch như: Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính; Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; Kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2024.

Các văn bản chỉ đạo điều hành và triển khai công tác cải cách hành chính do Sở ban hành, các phòng, đơn vị đều nắm và triển khai thực hiện.

Các cuộc họp, hội nghị về công tác cải cách hành chính, các đơn vị, các phòng tham gia đầy đủ. Ngoài ra, các đơn vị cũng đã lồng ghép công tác cải cách hành chính trong các cuộc họp của đơn vị; thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn các công chức, viên chức thực hiện nghiêm các quy định về cải cách hành chính, nêu cao tinh thần trách nhiệm, tự rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống nhằm xây dựng lực lượng cán bộ, công chức, viên chức gương mẫu, chuẩn mực, tận tụy với công việc.

2. Triển khai thực hiện kế hoạch cải cách hành chính

Sau khi ban hành các kế hoạch cải cách hành chính, Lãnh đạo Sở đã chỉ đạo các phòng liên quan tập trung tham mưu giải quyết các thủ tục hành chính đúng thời gian quy định; thực hiện đầy đủ các nội dung trong kế hoạch đề ra đảm bảo tiến độ về cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức, bộ máy, xây dựng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, hiện đại hóa nền hành chính; đồng thời đổi mới lề lối làm việc, đổi mới trình tự thủ tục, tác nghiệp trong giải quyết công việc; rà soát, phát hiện các thủ tục hành chính, các văn bản quy định không còn phù hợp, từng bước cải tiến, sửa đổi, bổ sung các quy định tác nghiệp của các phòng thuộc Sở.

3. Về kiểm tra công tác cải cách hành chính

Sở đã xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính (số 382/KH-SXD ngày 29/02/2024), đã tiến hành kiểm tra trong tháng 11/2024 tại Phòng Quy hoạch – Kiến trúc, Phòng Quản lý nhà, bất động sản và Vật liệu, Viện Quy hoạch xây dựng, Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng và đã thông báo kết quả kiểm tra tại Văn bản số 356/KH-SXD ngày 22/02/2023 của Sở Xây dựng. Sau kiểm tra, các phòng, đơn vị đã khắc phục những hạn chế, thiếu sót để thực hiện tốt hơn công tác cải cách hành chính.

4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Sở đã xây dựng kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm 2023 (số 3587/KH-SXD ngày 29/12/2023) để chỉ đạo các phòng, các đơn vị thực hiện, kết quả như sau:

Tất cả các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, của tỉnh, các kế hoạch, báo cáo, chương trình, Sở đã phê duyệt gửi các phòng, các đơn vị liên quan. Ngoài ra, thông qua các cuộc họp, giao ban, Sở đều lồng ghép phổ biến cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức hiểu rõ hơn công tác cải cách hành chính và niềm yết công khai các quy trình, quy định, các thủ tục hành chính để cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp nắm.

Các kế hoạch, báo cáo cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính; kế hoạch tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; Quyết định công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực hoạt động xây dựng; Kiểm tra cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, tình hình tổ chức và hoạt động của các đơn vị thuộc sở;... đều được cập nhật kịp thời và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở. Sở còn niềm yết Địa điểm tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.

5. Tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao

Đến hết tháng 11/2024, Sở Xây dựng đã hoàn thành 237 nhiệm vụ (trong đó có 01 nhiệm vụ quá hạn), còn 34 nhiệm vụ đang tiếp tục triển khai thực hiện.

6. Những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC

Sở Xây dựng thường xuyên tuyên truyền, chỉ đạo công chức, viên chức xây dựng những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC và triển khai có hiệu quả tại cơ quan, đơn vị. Trong tháng 12, Sở tiếp tục triển khai xét các mô hình, sáng kiến, giải pháp CCHC trong các đề tài, sáng kiến cấp cơ sở phục vụ xét thi đua, khen thưởng cuối năm.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

- Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Sở Xây dựng đã tham mưu các quyết định quy phạm pháp luật sau:

+ Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 16/07/2024 ban hành Quy định về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

+ Quyết định của UBND tỉnh ban hành quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Nhà ở trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

+ Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định cơ chế hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

- Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật: Đã xây dựng kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật số 551/KH-SXD ngày 06/02/2023). Công tác theo dõi thi hành pháp luật được Sở chỉ đạo thực hiện thông qua việc triển khai các hoạt động theo dõi, thanh tra, kiểm tra đối với các cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn toàn tỉnh. Đã tổ chức triển khai 03 đoàn thanh tra và 01 đoàn kiểm tra từ kỳ trước chuyển sang; triển khai 03/04 đoàn thanh tra theo kế hoạch năm 2024, trong đó: 02 đoàn đã thực hiện hoàn thành; 01 đoàn đang thực hiện; 01 đoàn không triển khai được do một số nguyên nhân khách quan. Qua thanh tra, kiểm tra phát hiện 04 đơn vị có sai phạm; xử lý vi phạm hành chính 1 trường hợp. Tổng số tiền vi phạm là 696,87 triệu đồng, trong đó: kiến nghị thu hồi 574,57 triệu đồng; kiến nghị giảm trừ khi nghiệm thu, thanh toán 122,3 triệu đồng; xử phạt vi phạm hành chính 40 triệu đồng. Kiểm tra nghiệm thu hoàn thành 147 công trình; Kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công cho 35 công trình; kiểm tra 07 phòng thí nghiệm LAS-XD và các trạm thí nghiệm hiện trường phục vụ các gói thầu xây dựng đường bộ cao tốc Bắc Nam, đoạn Bùng - Vạn Ninh. Tổ chức kiểm tra công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng kết hợp với kiểm tra vật liệu xây không nung tại các công trình xây dựng.

- Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: Xây dựng kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật (số 270/KH-SXD ngày 06/02/2024). Sở thực hiện việc tuyên truyền các văn bản QPPL và duy trì thường xuyên Ngày pháp luật. Tổ chức tập huấn công tác bí mật nhà nước cho 43 công chức, viên chức, người lao động Sở Xây dựng. Tổ chức Hội nghị tập huấn “Ứng dụng mô hình hóa thông tin công trình” cho các cơ quan quản lý nhà nước, chủ đầu tư và các Ban quản lý dự án, các đơn vị tư vấn, nhà thầu xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (80 người); Tổ chức tập huấn cho các địa phương, doanh nghiệp và các đối tượng có liên quan về QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình, sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD và Tiêu chuẩn Nhà ở riêng lẻ - Yêu cầu chung về thiết kế (200 người).

- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: Sở Xây dựng đã xây dựng kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (số 174/KHSXD ngày 25/01/2024). Phối hợp với các cơ quan, đơn vị

rà soát các nội dung: rà soát các văn bản QPPL theo chuyên đề tại Công văn số 106/STP-XDKTVB ngày 15/01/2024 của Sở Tư pháp; Rà soát văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương; rà soát văn bản QPPL có liên quan đến giao dịch điện tử tại Công văn số 546/STTTT-TTr ngày 02/4/2024 của Sở Thông tin & Truyền thông; rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL, văn bản khác làm căn cứ phục vụ chuyển đổi số và Đề án 06 tại Công văn số 3133/CAT-PC06 ngày 25/4/2024 của Công an tỉnh; Rà soát quy định pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ; rà soát văn bản QPPL theo Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 18/6/2024 của Chính phủ; rà soát các văn bản nội dung quy định về phân cấp thẩm quyền cho chủ thể là cá nhân (như Chủ tịch UBND các cấp và Thủ trưởng các sở, ban, ngành...)

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Sở Xây dựng đã chỉ đạo các phòng thường xuyên rà soát TTHC để đưa ra phương án đơn giản hóa, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC. Các phòng đã rà soát, tuy nhiên chưa đưa ra được phương án đơn giản hóa.

2.2. Tổng hợp, cập nhật số lượng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết

Tham mưu UBND tỉnh ban hành 02 quyết định công bố danh mục TTHC; trong đó: sửa đổi, bổ sung, thay thế 37 TTHC cấp tỉnh, 06 TTHC cấp huyện; ban hành mới tỉnh 14 TTHC, huyện 1 TTHC; bãi bỏ 05 TTHC.

Tính đến nay, Sở Xây dựng đã tham mưu UBND tỉnh ban hành 97 thủ tục hành chính; trong đó: 69 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở, 08 TTHC đặc thù, 01 TTHC thuộc đối tượng khuyến khích, 16 thủ tục hành chính áp dụng tại cấp huyện, 02 TTHC đặc thù cấp huyện và 01 TTHC cấp xã. Ngoài ra, còn có 17 TTHC đặc thù do các cơ quan khác ban hành được áp dụng chung trên toàn tỉnh.

2.3. Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính

- Tình hình tổ chức và hoạt động của bộ phận một cửa: Sở Xây dựng bố trí 01 công chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. 69 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các phòng Sở Xây dựng được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh và qua Phần mềm Một cửa điện tử. Các phòng chuyên môn giải quyết TTHC đã quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức đến thực hiện TTHC.

- Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Chỉ đạo các phòng và bộ phận một cửa áp dụng Kho quản lý dữ liệu điện tử TTHC và triển khai quy trình số hóa các loại hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải

quyết đối với 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Mục III Đề án ban hành kèm theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Tỷ lệ hồ sơ số hóa 98.66%; Tỷ lệ số hóa kết quả 73.84%.

- Tổng hợp, cập nhật kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính: Tổng số hồ sơ tiếp nhận 1.253. Hồ sơ đã giải quyết đúng và trước hạn 1192; trễ hạn 0. Hồ sơ đang giải quyết 61.

- Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị liên quan đến thủ tục hành chính: Đã tiếp nhận và giải quyết 02 kiến nghị.

- Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính: TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại Sở Xây dựng được tiếp nhận, xử lý, trả hồ sơ đúng quy định pháp luật. Không có trường hợp tự ý yêu cầu khách hàng bổ sung thêm thành phần, số lượng hồ sơ, giải quyết không đúng trình tự.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập:

Sở thực hiện theo Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức thuộc Sở Xây dựng tại Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của Sở Xây dựng.

- Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

Đã hoàn thiện sắp xếp các phòng của Sở và các phòng của các đơn vị từ năm 2022. Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng đã điều chuyển 01 viên chức từ Phòng Thí nghiệm - Kiểm định đến nhận công tác tại phòng Kế hoạch – Tổng hợp; Viện Quy hoạch xây dựng đã tuyển dụng 04 viên chức bố trí vào các phòng; đảm bảo số lượng viên chức tối thiểu theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

- Đánh giá về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức:

Trong cơ quan hành chính: Sở Xây dựng (Cơ quan Sở Xây dựng và Thanh tra) hiện có 33/34 công chức (tinh giản 02 biên chế công chức).

Việc quản lý biên chế của các đơn vị: Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng được thẩm định 22 người làm việc; hiện có 17 viên chức và 05 hợp đồng lao động (04 hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ, 01 hợp đồng lái xe). Viện Quy hoạch xây dựng được thẩm định 60 người làm việc; hiện có 45 viên chức, 15 hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2023/NĐ-CP.

- Đánh giá việc phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền.

Sở Xây dựng đã ban hành Quyết định số 1671/QĐ-SXD ngày 05/7/2024 ban hành Quy định về phân cấp quản lý và bổ nhiệm công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Giám đốc Sở Xây dựng Quảng Bình; Quyết định số 2849/QĐ-SXD ngày 31/10/2024 về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1671/QĐ-SXD ngày 05/7/2024 của Sở Xây dựng; Có văn bản số 2166/SXD-VP ngày 22/08/2024 góp ý Dự thảo Đề án Đẩy mạnh phân cấp phân quyền trong quản lý nhà nước tỉnh Quảng Bình.

Các quy định về phân cấp quản lý về tổ chức bộ máy, cán bộ do Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành được Sở Xây dựng và các đơn vị thực hiện đầy đủ, đúng quy định. Qua thời gian thực hiện quy định về phân cấp, ủy quyền quản lý công tác tổ chức, cán bộ đã nâng cao vai trò trách nhiệm của Thủ trưởng, cơ quan được phân cấp, ủy quyền; đặc biệt đối với các lĩnh vực thực hiện thường xuyên, định kỳ như: Thực hiện đề bạt cán bộ, quản lý, thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Kết quả xây dựng, ban hành quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức: Sở Xây dựng đã được UBND tỉnh phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các tổ chức hành chính thuộc Sở Xây dựng tỉnh Quảng Bình tại Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 28/3/2024. Các đơn vị Viện Quy hoạch xây dựng đã phê duyệt Đề án vị trí việc làm tại Quyết định số 76/QĐ-VQH ngày 03/5/2024; Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng đã phê duyệt Đề án vị trí việc làm tại Quyết định số 36c/QĐ-KĐXD ngày 29/3/2024.

- Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức: Viện Quy hoạch xây dựng đã tuyển dụng 04 viên chức.

- Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức: Bổ nhiệm lại 01 Phó Giám đốc Sở; điều động, bổ nhiệm PTP Quản lý nhà, bất động sản và Vật liệu giữ chức vụ Chánh Văn phòng; điều động bổ nhiệm PTP Quản lý xây dựng giữ chức vụ PTP Quản lý nhà, bất động sản và Vật liệu; bổ nhiệm lại PTP Quy hoạch – Kiến trúc; bổ nhiệm lại Phó Trưởng phòng Khảo sát xây dựng và thí nghiệm – VQHXD, bổ nhiệm PTP Phó Trưởng Phòng Kế hoạch – Tổng hợp - TTKĐ.

- Kết quả thực hiện thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào chức danh lãnh đạo: Không có.

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức: Công chức, viên chức chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính. Phổ biến và thực hiện đúng Chỉ thị số 20-CT/TU ngày 28/02/2022 của

Ban thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công sở.

- Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng số 383/KH-SXD ngày 29/02/2024 của Sở Xây dựng, cử 159 lượt CCVC tham gia đào tạo, bồi dưỡng. Đã cử đào tạo trung cấp lý luận chính trị 08 CCVC, chuyên viên chính 02 CC; bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh 01 VC; cập nhật kiến thức QP-AN cho 02 CCVC; Bồi dưỡng đối với lãnh đạo, quản lý cấp Sở 01 CC; 01 công chức Bồi dưỡng đối với công chức ngạch Chuyên viên cao cấp và tương đương năm 2024; đào tạo bồi dưỡng để xây dựng nguồn nhân lực thực thi và tận dụng các Hiệp định thương mại tự do (FTA) 01 CC; bồi dưỡng nghiệp vụ Thống kê cấp tỉnh 02 CC; đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số trên Nền tảng trực tuyến Moocs 01 CC; Bồi dưỡng kiến thức về Luật đấu thầu và các văn bản liên quan cho kế toán của các cơ quan đơn vị HCSN cấp tỉnh và các cơ quan hành chính cấp huyện” 03 CCVC; đào tạo nâng cao nhận thức chuyển đổi số, hỗ trợ triển khai đề án 06 01 công chức; cử 01 công chức tham gia lớp tập huấn cho đội ngũ cán bộ xây dựng Nông thôn mới cấp tỉnh; tổ chức tập huấn công tác bí mật nhà nước cho 43 công chức, viên chức Sở Xây dựng; 03 công chức tập huấn hướng dẫn lập hồ sơ điện tử và nộp lưu hồ sơ điện tử vào Lưu trữ cơ quan năm 2024; 03 CCVC đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số trên nền tảng MOOCs năm 2024 (đợt 2) đối tượng cấp tỉnh, cấp huyện; 03 CCVC tập huấn “Hướng dẫn Chế độ kế toán theo TT 24/2024/TT-BTC và công tác kiểm soát chi qua kho bạc”; 01 công chức tập huấn triển khai thi hành Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình năm 2024; 06 công chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho đội ngũ cán bộ, công chức ngành Thanh tra tỉnh Quảng Bình năm 2024; tập huấn hướng dẫn sử dụng phần mềm ISO điện tử 05 công chức; 02 CCVC tập huấn nghiệp vụ và bồi dưỡng kiến thức về công tác giám định tư pháp; 04 CCVC bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng năm 2024; Tổ chức Hội nghị tập huấn “Ứng dụng mô hình hóa thông tin công trình” cho các cơ quan quản lý nhà nước, chủ đầu tư và các Ban quản lý dự án, các đơn vị tư vấn, nhà thầu xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (20 CCVC SXD tham gia); Tổ chức tập huấn cho các địa phương, doanh nghiệp và các đối tượng có liên quan về QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình, sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD và Tiêu chuẩn Nhà ở riêng lẻ - Yêu cầu chung về thiết kế (20 CCVC SXD tham gia); tổ chức tập huấn, giới thiệu, hướng dẫn sử dụng, khai thác dữ liệu dự án “Xây dựng hệ thống hạ tầng cơ sở dữ liệu quản lý không gian (SDI) quản lý quy hoạch xây dựng” 10 CCVC; bồi dưỡng nghiệp vụ cải cách hành chính năm 2024 01 CC; tập huấn và diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn, an ninh mạng năm 2024 01 CC; tập huấn về cải cách hành chính do Bộ Nội vụ tổ chức 01 CC; tập huấn kỹ năng sử dụng phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Bình năm 2024 03 CCVC; Tập huấn Gia hạn phần mềm Quản

lý tài sản công trực tuyến cho các đơn vị HCSN cấp tỉnh thuộc tỉnh Quảng Bình năm 2024 03 CCVC; tập huấn công tác bồi thường nhà nước 01 CC; tập huấn về công tác Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính 01 CC; tập huấn hướng dẫn thực hiện Tổng kiểm kê tài sản tại cơ quan tổ chức 03 CC; Tập huấn hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý hoạt động tiếp xúc, làm việc và cung cấp thông tin cho báo chí 01CC;

- Tình hình ban hành và kết quả thực hiện chính sách thu hút người tài năng vào làm việc tại cơ quan nhà nước: Thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính – ngân sách

- Tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước, kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công: Thực hiện theo đúng tiến độ được giao

- Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính ngân sách: Không có các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính ngân sách.

5.2. Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công

Cơ quan Sở Xây dựng và các đơn vị đã ban hành đầy đủ, đúng quy định quy chế về quản lý, sử dụng tài sản công: Quyết định số 998/QĐ-SXD ngày 30/3/2020 của Sở Xây dựng, Quyết định số 32/QĐ-TTRa ngày 30/3/2020 của Thanh tra Sở Xây dựng, Quyết định số 02/QĐ-VQH ngày 10/01/2019 của Viện Quy hoạch xây dựng, Quyết định số 07/QĐ-KĐXD ngày 12/01/2024 của Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng. Về trụ sở: Sở Xây dựng và các đơn vị đã được phân công, bố trí trụ sở làm việc. Về ô tô: Tổng số xe ô tô hiện có của Sở và các đơn vị trực thuộc: 04 chiếc (Trong đó: Xe phục vụ chung : 03 chiếc, Xe chuyên dùng: 01 chiếc).

5.3. Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập

Các đơn vị trực thuộc thực hiện tốt chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các văn bản liên quan. Các đơn vị đã triển khai một cách có hiệu quả, chủ động trong sản xuất kinh doanh và thực hiện các nhiệm vụ được giao, chủ động trong các nguồn thu, chi trên cơ sở tiết kiệm.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương:

+ Việc ban hành và thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT và các văn bản chỉ đạo về ứng dụng CNTT khác của cơ quan: Đã ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2024 (số 671/KH-SXD ngày 01/04/2024) và chỉ đạo các phòng, đơn vị thực hiện.

+ Tình hình triển khai ứng dụng CNTT tại Sở: Sở trang bị đầy đủ máy tính, thiết bị và kết nối internet phục vụ công việc chuyên môn. Các hệ thống phần mềm dùng chung như Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành, Quản lý và đánh giá về kiểm soát TTHC, Hệ thống Thư điện tử công vụ, Phần mềm Một cửa điện tử được triển khai, ứng dụng hiệu quả trong Sở góp phần giảm bớt văn bản, giấy tờ hành chính. Đưa vào ứng dụng hiệu quả các phần mềm chuyên ngành như phần mềm kế toán, phần mềm kê khai thuế, bảo hiểm xã hội,... đã giúp cán bộ, công chức, viên chức quản lý tốt hơn công việc chuyên môn đang đảm nhiệm. Nhờ việc ứng dụng công nghệ thông tin, các công vụ do Sở Xây dựng thực hiện nhanh chóng, thuận lợi và hoàn toàn minh bạch.

+ Tình hình triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Năm 2024, Sở triển khai rà soát, tái cấu trúc tất cả các quy trình DVCTT/ quy trình điện tử; đã trình UBND tỉnh 47 quy trình DVCTT/ quy trình điện tử cấp tỉnh, đã có quyết định phê duyệt đối với 33 quy trình (trong đó thí điểm tiếp nhận hoàn toàn qua trực tuyến 28 quy trình, một phần 05 quy trình); trình UBND tỉnh 15 quy trình cấp huyện, đã phê duyệt 5 quy trình (trong đó thí điểm tiếp nhận hoàn toàn qua trực tuyến 4 quy trình, một phần 01 quy trình); phê duyệt 01 quy trình thí điểm tiếp nhận hoàn toàn qua trực tuyến cấp xã). Sở Xây dựng có tổng số 754/983 (76.70%) hồ sơ tiếp nhận trực tuyến.

+ Tiếp tục triển khai 02 dự án xây dựng hệ thống hạ tầng cơ sở dữ liệu quản lý không gian (SDI) quản lý quy hoạch xây dựng và dự án xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

+ Việc duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của Trang Thông tin điện tử: Sở Xây dựng đã cập nhật thông tin đầy đủ, thường xuyên trên Trang thông tin điện tử theo đúng quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP và Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND; đã triển khai ứng dụng Trang thông tin điện tử trên nền tảng công nghệ mới.

- Việc duy trì áp dụng và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 trong hoạt động của cơ quan: Năm 2024, đã xây dựng Chính sách chất lượng, Mục tiêu chất lượng, Chương trình đánh giá nội bộ Hệ thống.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

- Công tác cải cách hành chính ở Sở Xây dựng được lãnh đạo Sở tập trung chỉ đạo thực hiện nghiêm túc.

- Công chức, viên chức của Sở cũng đã nhận thức đúng đắn vai trò quan trọng của công tác cải cách hành chính đối với hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước.

- Các công chức, viên chức tận tụy với công việc, không có hiện tượng quan liêu, sách nhiễu, gây phiền hà cho tổ chức, cá nhân đến liên hệ công tác.

2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Việc triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và việc nhận, trả hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính công ích còn hạn chế do các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng phức tạp, hồ sơ cồng kềnh.

- Số lượng công chức của Sở ít, ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ của Sở.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2025

1. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

- Xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính năm 2025 và chỉ đạo, đôn đốc các phòng thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính theo kế hoạch đề ra.

- Thường xuyên tuyên truyền công tác cải cách hành chính trong các cuộc họp, sinh hoạt, giao ban của cơ quan.

- Thực hiện các nhiệm vụ UBND tỉnh giao đúng tiến độ, không có nhiệm vụ trễ hạn.

- Tuyên truyền, chỉ đạo công chức, viên chức xây dựng những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC và triển khai có hiệu quả tại cơ quan, đơn vị.

2. Cải cách thể chế

- Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở.

- Tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật đối với các hoạt động xây dựng trên địa bàn toàn tỉnh thông qua công tác thanh tra, kiểm tra.

- Duy trì tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

3. Cải cách thủ tục hành chính

- Rà soát, tham mưu công bố, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ TTHC.

- Thực hiện số hóa hồ sơ theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 2736/UBND-KSTT ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện nhiệm vụ của Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 468/QĐ-TTg.

- Chỉ đạo giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đúng trình tự, thời gian quy định.

- Tiếp tục khuyến khích tăng số lượng hồ sơ nộp trực tuyến.

- Tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị liên quan đến thủ tục hành chính.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

5. Cải cách chế độ công vụ

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức.

- Công tác tốt công tác bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm, kỷ luật, đánh giá công chức, viên chức, nghỉ hưu, nghỉ việc và số lượng cấp phó phòng, tương đương thuộc và trực thuộc đơn vị.

- Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ.

6. Cải cách tài chính công

Thực hiện tốt các quy định về quản lý tài chính – ngân sách; quy định về quản lý, sử dụng tài sản công; thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

- Xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số; hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống nền tảng, các dữ liệu, ứng dụng, dịch vụ nội bộ; ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp theo kế hoạch đã xây dựng.

- Đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 và sử dụng Hệ thống ISO điện tử.

- Tiếp tục rà soát, xây dựng và triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ trong lĩnh vực xây dựng.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Không./.

Sở Xây dựng báo cáo đề Sở Nội vụ tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Nội Vụ;
- Các phòng, đơn vị thuộc SXD;
- Website SXD;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Lê Anh Đức

BIỂU MẪU 1**Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SXD ngày /12/2024 của Sở Xây dựng)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	7
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm	%	100%
2.1.	Số nhiệm vụ trong Kế hoạch	Nhiệm vụ	24
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	24
3.	Kiểm tra CCHC		
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan	4
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100
3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	15
3.3.2.	Số vấn đề đã xử lý xong	Vấn đề	15
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy		
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%	0
4.2.	Số cơ quan, đơn vị đã hoàn thành kết luận thanh tra	%	0
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao		
5.1.	Số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	237
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	236
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	01
5.4.	Số nhiệm vụ đã quá hạn chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có=1; Không=0	1
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Phiếu	
6.2.	Hình thức khảo sát		Phiếu tại Bộ phận một cửa
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	01

BIỂU MẪU 2
Cải cách thể chế

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu
1.	Tổng số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) do địa phương ban hành	Văn bản	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	01
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL		
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	
3.	Rà soát VBQPPL		
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	

BIỂU MẪU 3
Cải cách thủ tục hành chính

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu
1.	Thống kê thủ tục hành chính (TTHC)		
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	15
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	48
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	97
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	Thủ tục	78
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	Thủ tục	18
1.4.3.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	Thủ tục	1
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông		
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	02
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	29
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	
3.	Kết quả giải quyết TTHC		
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100%
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	Hồ sơ	1192
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	Hồ sơ	1192
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	
3.2.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	Hồ sơ	
3.2.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	Hồ sơ	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	
3.3.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	Hồ sơ	
3.3.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	Hồ sơ	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100%
3.4.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	PAKN	02
3.4.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	PAKN	02

BIỂU MẪU 4
Cải cách tổ chức bộ máy

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy		
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	
1.5.1.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	
1.5.2.	<i>Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	2
1.5.3.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	
1.5.4.	<i>Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	%	
2.	Biên chế công chức		
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	34
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	33
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	05
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	02
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại đơn vị sự nghiệp công lập		0
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	0
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	0
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	100% (19/19)

BIỂU MẪU 5
Cải cách chế độ công vụ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu
1.	Vị trí việc làm công chức, viên chức		
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	01/01
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	02/02
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức		
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	04
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0
3.	Số lượng lãnh đạo, quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (từ đầu năm đến nay)		0
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)		01
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0

BIỂU MẪU 6
Cải cách tài chính công

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	100
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	215
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	215
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)		
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	2
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	0
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0

BIỂU MẪU 7
Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành=1	1
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	0
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành=2	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử		
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã		
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử.</i>)	%	
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%	100
5.2.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%	
5.2.3.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh		
5.3.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100
5.3.2.	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	
5.3.3.	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến		
6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu
6.4.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	
6.4.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	
6.4.3.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	
6.5.	<i>Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>%</i>	
6.5.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	11
6.5.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	48
6.5.3.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	11
6.6.	<i>Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>%</i>	100
6.6.1.	<i>Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương</i>	<i>Thủ tục</i>	48
6.6.2.	<i>Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>	48
6.7.	<i>Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)</i>	<i>%</i>	76.70 %
6.7.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	983
6.7.2.	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	754
6.8.	<i>Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến</i>	<i>%</i>	100
6.8.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	<i>Thủ tục</i>	11
6.8.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>	11

